

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 01 - 2025

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình - Ly hôn, nuôi con và cấp
dưỡng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Thới Phần.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Thắng.

2. Bà Lê Thị Mỹ Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Mỹ Phương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 161/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kiều H, sinh năm: 1988. Hộ khẩu thường trú: Ấp I, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Ấp I, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2023, chị H và anh Nguyễn Văn M tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất

đồng quan điểm sống, anh M không chịu làm ăn, không có trách nhiệm, không chăm lo cho gia đình, hay nhậu nhẹt, nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Chị H và anh M đã nhiều lần hàn gắn, đến tháng 7/2023 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt không thể hàn gắn được nên chị H và anh M đã ly thân từ tháng 7/2023 cho đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh P (nam), sinh ngày 06/5/2023, hiện cháu đang sống với chị H. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Minh P và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn M để tiến hành phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh M đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh M. Anh M cũng không có văn bản thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Tại phiên tòa anh M vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều H khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn anh Nguyễn Văn M đồng thời yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng”. Bị đơn anh Nguyễn Văn M có địa chỉ cư trú tại ấp I, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[1.2]. Bị đơn anh Nguyễn Văn M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có lý do. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh M nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh M tự nguyện kết hôn vào năm 2023, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị H cho rằng mâu thuẫn giữa chị và anh M không thể hàn gắn, chị H không thể tiếp tục sống chung với anh M được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh M. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập chị H và anh M để hòa giải, động viên anh chị đoàn tụ nhưng anh M vắng mặt không có lý do. Đến thời điểm xét xử chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh M thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, anh chị đã ly thân từ tháng 7/2023 cho đến nay nhưng không thể hàn gắn. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ mà chị H yêu cầu xin ly hôn với anh M là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Cho chị H và anh M được ly hôn.

[2.2]. Về con chung: Trong quá trình sống chung chị H và anh Nguyễn Văn M có 01 con chung cháu Nguyễn Minh P (nam), sinh ngày 06/5/2023, hiện cháu đang sống với chị H, được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Con chung dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi”*. Hiện nay cháu Nguyễn Minh P chưa đủ 36 tháng tuổi, nên để cho mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc sẽ chu đáo hơn và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích và sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý của trẻ, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Nguyễn Minh P cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[2.3]. Về cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H yêu cầu anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*. Về mức cấp dưỡng theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình: *“Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”*. Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình quy định: *“Tiền cấp dưỡng cho con là căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án*

quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”. Lương tối thiểu vùng tại địa bàn huyện L, tỉnh Hậu Giang theo quy định hiện nay là 3.450.000đ/tháng.

Do đó, có căn cứ buộc anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày 06/5/2023 mỗi tháng bằng nửa tháng lương tối thiểu vùng là 1.725.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 15/01/2025 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

[2.4]. Về tài sản chung: Chị H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5]. Về nợ chung: Chị H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, đã nộp xong. Buộc anh M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều H đối với anh Nguyễn Văn M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kiều H và anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh P (nam), sinh ngày 06/5/2023 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Minh P (nam), sinh ngày 06/5/2023 mỗi tháng 1.725.000 đồng (một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 15/01/2025 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung: Chị H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Chị H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều H phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo lai thu số 0010336 ngày 04/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- VKSND huyện Long Mỹ;
- THADS huyện Long Mỹ;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã Lương Tâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Ngọc Thới Phần